

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa Tập 81

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 16 tháng 07 năm 2010

Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 85, dòng thứ 2 từ dưới lên, bắt đầu xem từ chữ kinh:

“*Kinh, tiếng Phạn là tu-đa-la. Dịch thẳng ra là sợi dây, dịch theo ý nghĩa là khế kinh. Chữ ‘khế’ có hai ý nghĩa: Một là khế lý, lý tức là lý thể thật tế. Hai là khế cơ, cơ là căn cơ, tức căn cơ của chúng sanh, đồng thời cũng chỉ cho thời cơ, thời tiết nhân duyên. Vì vậy, khế cơ là phù hợp với trình độ của chúng sanh và thời đại.*” Chúng ta đọc tới chỗ này. Kinh là những lý luận và phương pháp do Thích-ca Mâu-ni Phật dùng để giáo hóa hết thảy chúng sanh khi ngài tại thế, thế nhưng vào thời ấy Thích-ca Mâu-ni Phật không viết thành tài liệu giảng dạy. Vào thời xưa thì đại khái là đều giống nhau, như Khổng tử ở Trung Quốc chỉ dùng lời nói để giáo huấn, không có sách giáo khoa, ngay cả đề cương cũng chẳng có. Chúng ta từ chỗ này mà xem xét, Phật giảng kinh dạy học 49 năm không một ngày nào gián đoạn, sau khi ngài viên tịch, các học trò từ trong ký ức, dùng văn tự ghi chép lại những lời thầy đã dạy, lưu truyền lại cho đời sau, đây chính là nguồn gốc của kinh điển Phật giáo. Kinh điển chính là bài giảng mà ngài đã dạy lúc đó, nay chúng tôi dùng từ bài giảng cho mọi người dễ hiểu. Phân lượng vô cùng lớn, kết tập là công việc gian truân, do tôn giả A-nan phúc giảng. Trong các đệ tử, cũng như trong số các đồng học, tôn giả A-nan là người có sức ghi nhớ tốt nhất, sở trường đặc biệt của ngài là khả năng ghi nhớ tốt, hầu như nghe qua một lần là vĩnh viễn không bao giờ quên, ngài có năng lực này, khả năng lý giải rất mạnh. Vì thế mọi người liền đề cử ngài phúc giảng, tức là nói lại một lần nữa những gì Thích-ca Mâu-ni Phật đã giảng lúc sinh thời. Có 500 vị đồng học, các đồng học đều chứng quả A-la-hán, các vị A-la-hán và Bồ-tát ngồi ở dưới nghe giảng, để chứng minh lời ngài giảng là không sai. Nếu có một vị nói: “A-nan, hình như câu này Phật chưa từng nói qua”, vậy thì câu này phải bị xóa bỏ đi, không được phép lưu truyền. Do đó, mục đích chủ yếu của sự nghiêm ngặt như vậy là nhằm giữ chữ tín với đời sau, không phải là đa số người thông qua, mà chỉ cần một người có ý kiến thì không được ghi chép lại. Vì thế, kinh điển này là được trải qua thẩm tra nghiêm ngặt; hay nói cách khác, từng câu nói đều phải do chính miệng Thích-ca Mâu-ni Phật nói ra. Đây là nguồn gốc của kinh điển.

Chữ “kinh” này là chữ Trung Quốc, chúng ta dùng chữ này để dịch từ tiếng Ấn Độ sang, tiếng Ấn Độ gọi là tu-đa-la, tu-đa-la vốn có nghĩa là sợi dây. Tại vì sao? Bởi vì ngày trước, khi những kinh này được viết vào thời kỳ đầu, là viết trên lá cây, lá cây bói-đa-la, đương nhiên thời đó vẫn chưa có giấy, dùng lá cây bói-đa-la, loại lá cây này rất bền, có thể giữ rất nhiều năm không bị hỏng. Lá cây được cắt thành từng tấm, cắt thành từng khổ dài, hai bên đục hai lỗ, mỗi bên đục một lỗ, rồi dùng dây khâu lại, dây khâu lại như vậy thì gọi là một quyển sách, khi lật thì sẽ lật như thế này. Quý vị đến Cố Cung có thể nhìn thấy kinh lá bói, đây là diện mạo sơ khai. Nếu dịch ý nghĩa của nó, thì việc dùng chữ “kinh” của Trung Quốc để dịch là rất hay, bởi vì những giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc lưu lại, chúng ta đều xưng là kinh, do đó lời dạy của Phật cũng vô cùng quý báu, dùng chữ kinh này để dịch là rất hay. Trước chữ kinh có thêm một chữ khế, khế chính là khế lý, lý là lý thể thật tế, lý là gì? Lý là chân tướng sự thật. Nói theo cách hiện nay, lý thể thật tế là chân tướng của vũ trụ nhân sinh, nói vậy thì mọi người dễ hiểu. Do vậy, kinh nhất định giảng về chân tướng sự thật, không phải nói bừa, không phải nói tùy tiện, đây là chân tướng sự thật đầu tiên. Thứ hai là phải khế cơ, tức là phù hợp với trình độ của chúng sanh, nếu bạn giảng quá sâu thì sẽ nghe không hiểu, bạn giảng quá nông thì sẽ chẳng hứng thú, nhất định phải phù hợp, lại còn phải phù hợp với thời đại, cho nên giáo pháp này là sống động. Kinh Phật là do Phật nói, nhưng bạn xem, kinh điển qua mỗi triều đại đều có rất nhiều chú giải, những chú giải này là gì? Chú giải là khế cơ. Trong mỗi triều đại, trong mỗi một cộng đồng xã hội khác nhau, họ cần những gì, dùng phương pháp gì để giảng, đây là sống động. Lời Phật giảng là nguyên lý nguyên tắc, những tổ sư đại đức này giảng giải cho chúng ta thì sẽ diễn đạt một cách hiện đại hóa, người hiện nay đều có thể thọ dụng, đây gọi là khế cơ. Cần phải phù hợp với hai điều kiện này. Nếu nói khế cơ mà không khế lý, đây là ma nói, đây không phải Phật nói. Rất thích hợp với mọi người, mọi người rất thích nghe, rất thích nhưng không hợp lý, chẳng phải là chân tướng sự thật, đây là tà thuyết. Nếu như khế lý mà không khế cơ, đó gọi là lời vô ích, lý tuy rất hay, nhưng người ta nghe không hiểu, nghe xong không vận dụng được. Vì vậy nhất định phải phù hợp hai điều kiện này, vậy mới xưng là kinh điển. Đây là giới thiệu khái quát về hàm nghĩa của chữ kinh, trên thực tế nó còn có rất nhiều ý nghĩa khác, đồng học học Phật như chúng ta không thể không biết điều này, nếu không biết thì bạn là người ngoài nghề.

“*Nay vì để ngắn gọn, nên lược bớt chữ khế*”, người Trung Quốc thích đơn giản, tuyệt đối không thích rườm rà, không giống người Ấn Độ, người Ấn Độ thích rườm rà, nói càng chi tiết càng tốt. Người Trung Quốc chú trọng điều gì? Điểm đến là dừng, không dài dòng, đây là người Trung Quốc. Cho nên ngôn ngữ và văn tự Trung Quốc vào thời xưa yêu cầu phải đạt tiêu chuẩn của bốn chữ, gọi là giản - yếu

- tường - minh, đơn giản, trọng yếu, nhưng vẫn phải tường tận, vẫn phải rõ ràng, ngôn ngữ như vậy là ngôn ngữ hay, văn chương như vậy là văn chương hay. Nhưng người Ấn Độ lại khác, người Ấn Độ quả thật không ngại phiền phức. Người Trung Quốc chúng ta khi giảng điều gì thì không có lặp lại, văn chương có sự lặp lại gọi là trùng lặp, đó không phải là văn chương hay; thế nhưng kinh Phật không như vậy, kinh Phật là lặp đi lặp lại nhiều lần. Sự lặp lại này cũng có cái hay, đối với người trung hạ căn mà nói thì có lợi ích lớn. Giản yếu tường minh đó thật sự chỉ dành cho thượng thượng căn, còn trung hạ căn nếu một lần thì không nghe hiểu, muốn nghe lại cũng không được nữa. Không giống kinh Phật, bạn nghe một lần không hiểu cũng không sao, bởi phía sau còn nhắc lại nhiều lần, bạn cứ thông thả mà học, rồi cuối cùng cũng sẽ hiểu, đây chính là lòng từ bi của Phật từ bi hơn Khổng lão phu tử nhiều. Khổng tử và Mạnh tử không từ bi được như Phật, yêu cầu rất cao, cho nên “nêu một góc mà không suy ra ba góc còn lại”, thì Khổng lão phu tử không dạy bạn, người này quá tối dạ. Giống như căn phòng này, bảo với bạn góc này là góc vuông chín mươi độ, bạn phải suy ra ba góc còn lại cũng giống như thế. Nếu bạn không nghĩ ra, lại dạy cho bạn từng góc từng góc, vậy thì Khổng lão phu tử không dạy bạn nữa, vì người đó quá tối dạ. Thế nhưng Thích-ca Mâu-ni Phật thì rất từ bi, ngài dạy bạn, ngài sẽ bảo bạn, dạy rằng góc này chín mươi độ, nhìn sang góc kia, góc kia cũng là chín mươi độ, ngài không ngại phiền phức, chính từ điểm này mà ta thấy được lòng từ bi của Phật. Vì vậy học Phật, nói lời thành thật thì học Phật dễ hơn học Nho, vì điều này mà khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, Phật giáo là giáo dục, giáo dục Phật giáo phát triển hơn giáo dục nhà Nho. Tại sao vậy? Bởi Phật giáo phương tiện, nó tùy thuận để hòa hợp, ba căn thượng trung hạ, thượng thượng căn hay hạ hạ căn thì Phật đều dạy. Khổng lão phu tử dạy học thì phải là từ hàng trung thượng căn trở lên, những người thấp hơn hàng trung thượng căn thì Phu tử không muốn dạy, vì cho rằng bạn quá tối dạ. Đây là một nhân tố giúp cho Phật giáo ở Trung Quốc, giáo dục này khi triển khai ở Trung Quốc có thể phổ biến đến toàn dân, điều này hiển thị lòng yêu thương của ngài.

Chữ kinh này có bốn ý nghĩa, đây là điều thông thường khi giảng kinh nhất định phải giới thiệu, bốn ý nghĩa này là “quán, nhiếp, thường, pháp”. Quán là “*xuyên suốt những đạo lý đã được nói*”, nói theo cách hiện nay, nó phù hợp với logic, nó thật sự là một môn học thuật cao siêu, người hiện nay nói về logic, nói về pháp biện chứng, trong Phật pháp dùng danh từ gọi là nhân minh. Vì thế trong Phật pháp có môn nhân minh học, nhân minh học hiện nay gọi là logic, pháp biện chứng. Quán này chính là nó có phương pháp logic riêng của nó, vì thế nó diễn đạt vô cùng có mạch lạc, có trật tự, người Trung Quốc gọi là có đầu có đuôi, bạn rất dễ nghe được rõ ràng, nghe được thông suốt. Ý nghĩa thứ hai là nhiếp, “*nhiếp tức là nhiếp trì chúng*

sanh được giáo hóa”, đây là nhiếp trì, chữ trì này là trì trong từ duy trì, nhiếp trì chúng sanh được giáo hóa. Những bài văn chương của Trung Quốc, nếu dùng tiêu chuẩn của bốn chữ này để nói, chỉ làm được chữ đầu tiên là quán, cái này làm được, hầu hết văn chương đều làm được chữ này, còn ba chữ phía sau thì chưa chắc. Nhiếp này chính là nhiếp thọ hết thảy chúng sanh, cũng giống như là nó có một lực hút, lực từ, sau khi bạn tiếp nhận rồi thì bạn rất yêu thích nó, muốn dùng cũng không được, điều này thật không đơn giản. Cho nên kinh Phật khiến cho bạn xem một lần, bạn vẫn muốn xem lần thứ hai, lần thứ ba, càng đọc càng yêu thích, sức mạnh nhiếp thọ của kinh có khả năng nhiếp tâm. Nhưng các điển tịch của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc cũng có năng lực này, ví dụ như Tứ Thư Ngũ Kinh có năng lực này, hồi nhỏ bạn đọc Tứ Thư, đến khi bảy tám mươi tuổi đọc lại vẫn thấy say mê thích thú, đó là vì nó có sức mạnh này. Bạn đọc tiểu thuyết, sau khi đọc qua một, hai lần, đến lần ba thì không muốn đọc nữa. Tiểu thuyết dù có hay đi nữa, lúc nhỏ tôi rất thích đọc, những bộ tiểu thuyết hay nhất như bốn bộ này của Trung Quốc: Tam Quốc, Thủy Hử, Tây Du Ký, Hồng Lô Mộng, đại khái tôi đều đọc qua mười lần, thế nhưng sau khi đọc qua mười lần thì cả đời này lại không muốn đọc lại nữa. Nói cách khác, sức nhiếp thọ của chúng chỉ lớn chừng đó, sau khi đọc qua mười lần thì không muốn đọc nữa. Không giống như kinh Phật, kinh Phật thì bạn đọc một vạn lần cũng không chán, càng đọc càng yêu thích, sức mạnh nhiếp thọ này rất lớn. Chữ thứ ba là thường, *“thường tức là xưa nay không đổi”*, người hiện nay gọi là chân lý, cái nó nói là về chân lý, chân lý thì vĩnh viễn không thay đổi. Những điều Phật giảng 3.000 năm trước là chính xác, ngày nay 3.000 năm sau vẫn là chính xác; ở Ấn Độ dạy cho người Ấn Độ là chính xác, truyền đến Trung Quốc dạy cho người Trung Quốc vẫn chính xác. Cũng chính là nói những lý luận và phương pháp của ngài dạy vượt qua thời gian và không gian, đây gọi là thường, điểm này quả thật không dễ làm được. Điều cuối cùng là pháp, *“pháp tức là gần hay xa đều tuân theo”*, dù là người thời xưa hay thời nay, những phương pháp đã được truyền dạy trong đây, bạn đều cần phải tuân thủ. Hội đủ được bốn điều kiện này thì mới gọi là kinh. Văn chương do người thông thường viết ra, nếu không đầy đủ bốn điều kiện này thì không thể gọi là kinh; đầy đủ bốn điều kiện này mới có thể gọi là kinh, giống như Tứ Thư của Trung Quốc có thể gọi là kinh, quả thật Tứ Thư có quán nhiếp thường pháp, phù hợp bốn điều kiện này. Nói về Ngũ Kinh thì phần lớn có [những điều này]. Trong thời đại hiện nay, có thể dùng tinh thần của nó, chứ không thể dùng phương pháp của nó, bởi vì phương pháp phù hợp thời đại lúc đó. Điều này không giống như kinh Phật, những điều được giảng trong kinh Phật là sống động. *“Bốn chữ nêu trên mới nói hết được ý nghĩa của chữ kinh”*, đây là cách thông thường để giải thích chữ kinh này, đều dùng bốn chữ quán nhiếp thường pháp này.

“Lại nữa, những điều Phật nói đều được gọi chung là kinh”, những gì do Thích-ca Mâu-ni Phật giảng. “Vì thế, chữ kinh trong đề mục là tên chung.” Phạm những gì do Thích-ca Mâu-ni Phật giảng đều gọi là kinh, cho nên kinh là tên chung. Tất cả những lời giáo huấn của các bậc thánh hiền trong thế gian cũng gọi là kinh, tuy nhiên những kinh này chưa chắc có đủ ý nghĩa của bốn chữ quán nhiếp thường pháp, mặc dù đều gọi là kinh, nhưng theo định nghĩa quán nhiếp thường pháp này thì rất nhiều kinh không thể đáp ứng đầy đủ; chính điều đó cho thấy kinh Phật vượt trội hơn so với các kinh điển khác một bậc. Những điều này nhằm giới thiệu về tên chung. Tiếp theo nói về “Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”, mười bốn chữ này “là tên riêng mà chỉ kinh này có”. Tuy đều do Phật nói, nhưng kinh này không giống những kinh khác, đây gọi là tên riêng. Do đó, đề mục của kinh này gồm có 15 chữ, có thông đề và biệt đề, 14 chữ phía trước là biệt đề, một chữ kinh phía sau là thông đề.

“Các kinh khi đặt tên, chẳng rời nhân - pháp - dụ. Hoặc đơn hoặc ghép, có thể chia thành bảy loại: Đơn nhất có ba, đủ hai có ba, đủ ba có một, tổng cộng thành bảy loại.” Đây là nói về việc đặt đề mục của kinh Phật là có quy tắc, không phải là tùy tiện đặt tên. Cho nên người trong nghề hãy nhìn qua là biết bộ kinh này là thật hay là ngụy tạo, những kinh ngụy tạo có đề mục không phù hợp với nguyên tắc này, không phù hợp với nguyên tắc này thì không phải là kinh Phật chân chánh. Kinh Phật chân chánh nhất định phải phù hợp nguyên tắc này, chính là bảy cái tiêu chuẩn. Bảy tiêu chuẩn đó, nói tóm lại, không ngoài “nhân, pháp, thí dụ”, trong đề mục nhất định lấy điều này làm nguyên tắc. “Đơn nhân”, tức là chỉ dùng người làm đề mục, “như kinh A-di-đà, A-di-đà là nhân”, A-di-đà là biệt đề, kinh là thông đề, trong đề kinh này chỉ có nhân, không có pháp, không có thí dụ. “Đơn pháp, như kinh Đại Bát-nhã, bát-nhã là pháp”, không có nhân, không có dụ, tức là không có thí dụ. “Đơn dụ, như kinh Phạm Võng”, phạm võng là lưới của trời Đại Phạm, dùng lưới của trời Đại Phạm để thí dụ, cho nên phạm võng là thí dụ, không có nhân, cũng chẳng có pháp, đây gọi là ba cách đặt tên đơn. Tên ghép hai thứ cũng có ba cái, nó có nhân pháp, tức là trong đề mục có nhân và pháp, như kinh Văn-thù Vấn Bát-nhã, Văn-thù là nhân, bát-nhã là pháp, trong đây không có thí dụ. Lấy pháp và dụ để đặt tên, như kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì diệu pháp là pháp, liên hoa là thí dụ, trong đây không có nhân. Lấy nhân và dụ để đặt tên, như kinh Bồ-tát Anh Lạc, Bồ-tát là nhân, anh lạc là thí dụ, trong đây không có pháp, đây gọi là ba cách đặt tên ghép. Nhân pháp dụ thấy đều có đủ, cả ba cái đều có, đều đầy đủ nhân pháp dụ, như kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, đề kinh này có đủ cả ba cái, Phật là nhân, đại phương quảng là pháp, hoa nghiêm là thí dụ, cho nên bộ kinh này cả nhân pháp dụ đều có. Đây chính là bảy nguyên tắc để đặt tên cho kinh Phật, nếu không tương ứng với những nguyên tắc này

thì nhất định không phải là kinh Phật. Nếu như bảo là kinh Phật thì đó là giả, không phải là thật; bởi kinh Phật thật nhất định không trái nghịch với quy củ này.

“*Nay đề kinh này cũng đầy đủ nhân pháp dụ*”, lão cư sĩ Hạ hội tập đề kinh này, nhân pháp dụ đều đầy đủ. “*Chữ Phật trong đề kinh biểu thị người chứng quả cõi này*”, Phật này là Thích-ca Mâu-ni Phật, tức là người đã chứng quả ở cõi này của chúng ta. Người chứng quả là người chứng được quả vị Phật, chính là Thích-ca Mâu-ni Phật. Chúng ta học Phật nhất định phải biết, bất cứ ở chỗ nào cũng phải nói rõ ràng với người khác, nếu có người hỏi đến Phật là gì, Phật là giáo dục, chúng ta đang tiếp nhận giáo dục của Thích-ca Mâu-ni Phật, nói như vậy thì Phật không phải là tôn giáo, hoàn toàn không liên quan gì đến tôn giáo. Từ khi tôi tiếp xúc với Phật giáo, qua sự giới thiệu của tiên sinh Phương Đông Mỹ, tôi là học theo giáo dục của Thích-ca Mâu-ni Phật, tôi không theo tôn giáo, điểm này chúng ta phải hiểu rõ ràng, phải sáng tỏ. Hiệp hội này của chúng ta là Hiệp hội Giáo dục Phật-đà, không thể mập mờ không rõ, rồi khiến cho người khác nảy sinh hiểu lầm. Phật, Bồ-tát, A-la-hán là những danh xưng học vị của giáo dục Phật-đà, cũng là danh xưng chung, Phật là học vị cao nhất, Bồ-tát là học vị thứ hai, A-la-hán là học vị thứ ba, có cùng một ý nghĩa với các học vị tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân trong nhà trường ngày nay. Thích-ca Mâu-ni Phật tu học đạt tới tầng lớp cao nhất, nên xưng ngài là Phật-đà; còn những vị được nhắc đến trong kinh như Văn-thù, Phổ Hiền, tuy chưa đạt tới cao nhất, nhưng tu cũng rất xuất sắc, nên các ngài là học vị Bồ-tát; trong ấy còn có Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, đó là A-la-hán, học vị thứ ba. Đây là danh xưng của học vị, các ngài không phải là thần, cũng không phải tiên, các ngài là người, phải làm cho rõ ràng, làm cho sáng tỏ, vậy chúng ta mới thật sự học được thứ chân thật trong Phật pháp, đã có lợi ích đối với chúng ta.

Lợi ích phổ biến nhất chính là thân tâm khỏe mạnh, bạn có muốn hay không? Đây là điều đầu tiên, chắc chắn bạn sẽ đạt được khi học Phật. Nhà Phật nói trường sanh bất lão, lời nói này là thật, không phải mê tín, đáng tiếc là công phu của chúng ta chưa tới nơi tới chốn, nếu công phu của chúng ta nâng cao hơn, nâng cao tới cảnh giới nào? Nâng cao tới A-la-hán là được rồi, A-la-hán là trường sanh bất lão. Tôi hiện tại là chạm được một chút ngoài da, chỉ chút sáng ngoài da ấy thôi mà mọi người các bạn đều thấy được, tuổi tác tuy không ngừng tăng cao, nhưng không già không yếu, đây là thật chứ không phải giả. Vào năm 1999, khi tôi đang giảng kinh tại Singapore, có một vị cư sĩ vốn là nữ tu bên Thiên Chúa giáo tại Singapore, đến gặp tôi, muốn quy y cửa Phật, bà ấy hỏi rằng bà có đủ điều kiện để quy y hay không? Tôi nói: “Không có vấn đề gì, bà đầy đủ điều kiện.” Tôi làm lễ quy y cho bà, năm ấy bà đã 101 tuổi, được gọi là người thanh niên 101 tuổi. Bà làm công tác thiện nguyện

chăm sóc người già, những người già đó đều 70, 80 tuổi, còn bà thì phục vụ, chăm sóc họ mỗi ngày, chăm sóc hai mươi mấy người già, thật khó được! Hiện nay thân thể bà vẫn rất khỏe mạnh, mấy hôm trước tôi nghe nói bà ta muốn sang một viện dưỡng lão ở Tân Cương để phục vụ trong nửa năm. Năm 1999 là 101 tuổi, năm nay là năm 2010, có lẽ là 111 tuổi, à không, năm 1999 là 101 tuổi, thì năm nay phải là 112 tuổi. 112 tuổi mà bà vẫn làm công tác thiện nguyện, vẫn chăm sóc người già 60, 70 tuổi, bà không già, luôn nói mình là thanh niên. Cái đầu tiên là thân tâm bạn khỏe mạnh, bạn không có phiền não, bạn có trí tuệ, phiền não nhẹ, trí tuệ tăng. Gia đình bạn hòa thuận, sự nghiệp thuận lợi, khu vực bạn sống hài hòa, vậy thì làm sao không tốt đẹp! Đây là lợi ích hiện tiền của Phật pháp. Một người tu hành như vậy sống ở khu vực này, nhà lượng tử học nói cho chúng ta biết, họ ở khu vực này, thì tỷ lệ phạm tội trong phạm vi lân cận này của họ chắc chắn rất ít, nguyên nhân là gì? Từ trường tốt. Một đạo tràng được thành lập ở nơi đây, người chân chánh học tập rất nhiều, tỷ lệ phạm tội trong khu vực này sẽ giảm xuống thấp một cách đáng kể, đây là sự thật. Cho nên chúng ta nói tới Phật pháp tăng, nhất định phải hiểu được ý nghĩa chân thật của chúng, bằng không mà nói thì người ta sẽ bảo chúng ta là mê tín, đây là sai lầm rất lớn. Do vậy, chữ Phật ở đây là chỉ cho người chứng quả cõi này, chính là ở thế giới này của chúng ta, ngài là một người tu học đã lấy được học vị cao nhất.

“Vô Lượng Thọ là người chứng quả cõi kia”, Vô Lượng Thọ là thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng là A-di-đà Phật với học vị cao nhất. A-di-đà dịch là Vô Lượng Thọ, Phật là tên gọi của học vị, học vị của ngài và học vị của Thích-ca Mâu-ni Phật là tương đồng, là bình đẳng. *“Cho nên trong đề kinh có đầy đủ người chứng quả hai cõi”*, trong một đề kinh có cả hai vị, không phải là một vị, mà là hai vị, đều lấy được học vị cao nhất. Bảy chữ *“trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác”* là pháp, *“hai chữ Đại thừa”* là thí dụ, *“thừa là”*, âm cổ đọc là thẳng, ngày nay chúng ta thường đọc là thừa, âm cổ đọc là thẳng, nghĩa là xe, thời đó là xe ngựa. *“Kinh này có thể chuyên chở vô lượng chúng sanh đều đến nơi báu”*, nơi báu này, dùng ngôn ngữ hiện nay mà nói là đất báu, bộ kinh này có thể chuyên chở chúng ta đến được đất báu của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Giống như trong kinh Pháp Hoa nói về *“xe trâu trắng lớn”*. Xe trâu trắng lớn là xe ngựa, vào thời xưa thì xe ngựa là loại xe lớn nhất có thể chở được rất nhiều người. Tôi nhớ hồi nhỏ tôi đi học ở Nam Kinh, lúc ấy đang học trung học cơ sở, phương tiện giao thông ở Nam Kinh rất ít, xe ngựa rất nhiều, xe ngựa rất rẻ, hình như là một hai xu, rất rẻ. Một chiếc xe ngựa, tôi nhớ thường chở được 14 đứa học trò, 14 đứa nhỏ ngồi chung một chiếc xe ngựa đi học. Cho nên dùng Đại thừa làm thí dụ, Đại thừa là cỗ xe ngựa lớn.

“*Các kinh đều đầy đủ giáo hạnh lý*”, trong tất cả kinh, chữ kinh này có bốn ý nghĩa, ở đây ngài đã giản lược đi một cái, lẽ ra phải là giáo hạnh lý quả, một bộ kinh nhất định phải có bốn ý nghĩa này, ở đây lược bớt đi chữ quả, quả chính là chứng quả, lấy được học vị. “*Phật thuyết Đại thừa là giáo*”, đây là giáo học, “*trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác là hạnh*”, vì vậy đây là giáo kinh, đây cũng là hành kinh, bạn phải làm cho được, bạn không làm thì không được, “*Vô lượng thọ là lý*”, vô lượng thọ cũng là quả. Về việc giải thích đề kinh, tổ sư đại đức từ xưa đến nay không hoàn toàn giống nhau, mỗi người đều có một cách giảng giải riêng, nhưng những cách giảng đó đều hợp lý, chỉ cần như lý như pháp thì đều đúng đắn. Cho nên đối với một số giáo lý đại thừa, chúng ta nên xem nhiều một chút, những gì tổ sư đại đức ngày xưa đã giảng dạy, bạn cần dung thông nó lại, tham khảo nhiều bản chú giải khác nhau. Riêng về kinh Vô Lượng Thọ, ở Trung Quốc thời xưa có hai bản chú giải mà chúng ta có thể tham khảo. Các bản chú giải của Nhật Bản còn nhiều hơn, có hơn 20 loại, như chúng ta đã thấy ở phần trước, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã giới thiệu, bạn nên xem nhiều cách giảng của người khác về đề kinh và huyền nghĩa. Những người tu hành chân thật thâm nhập kinh tạng lâu năm, họ thường không xem cách bạn giảng giải trong phần kinh văn, họ không xem cái này, mà họ xem huyền nghĩa. Huyền nghĩa là gì? Đó là báo cáo tâm đắc tu học của bạn, trong đây có cảnh giới của chính bạn, người tu hành lâu năm thường thích xem phần này; còn người mới bắt đầu học thì lại thích xem cách giảng giải từng câu từng chữ trong kinh, tức là xem chú giải.

“*Vô lượng thọ biểu thị bản thể pháp thân ba đời nhất như và niết-bàn thường trụ.*” Ba đời là nói về quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng chính là nói lý thể mà chư Phật ba đời đã chứng, lý thể này thông thường nói về thật tướng các pháp, chân tướng của tất cả các pháp, đó đâu phải là mê tín! Ngày nay khoa học và triết học đang nghiên cứu về cái gì? Chính là chân tướng của vạn vật trong vũ trụ. Trải qua biết bao nhiêu năm, xưa nay trong và ngoài nước các nhà triết học, nhà khoa học vẫn đang thăm dò, có thể nói có được những thành tựu rất khả quan. Thế nhưng còn có khá nhiều nghi vấn chưa thể giải đáp được, khi nói đến khởi nguồn của vũ trụ, hiện nay nhà khoa học cho rằng là một vụ nổ lớn, nhưng vụ nổ lớn chẳng thể giải thích thỏa đáng, cái gì đã nổ lớn? Do nguyên nhân nào mà nổ lớn? Điều này không nói rõ ràng. Nói vụ nổ lớn là chỉ nhìn vào hiện tượng, đây là thấy được qua kính viễn vọng, nhìn thấy những tinh cầu này dường như đều đang rời xa chúng ta, bay vút ra không gian bao la, đây là một hiện tượng của vụ nổ lớn, khởi phát từ điểm này. Nhưng thuyết này chẳng thể giải thích thỏa đáng, chỉ tạm thời là quan sát từ trong hiện tượng, và có được kết luận như vậy, vẫn phải tiếp tục nghiên cứu. Lượng tử lực học hiện nay lại có phát hiện mới, phát hiện gì vậy? Phát hiện sanh khởi của hiện tượng vật chất là từ trong không mà sanh ra có, tốc độ cực kỳ nhanh, sau khi sanh ra, chỉ trong khoảng

sát-na thì nó liền diệt mất. Cách nói này rất gần với cách nói trong kinh Phật, cho nên Phật pháp nói về khởi nguồn của vũ trụ là a-lại-da duyên khởi, tức là khởi nguồn của a-lại-da. A-lại-da là gì vậy? A-lại-da đích thực hiện nay đã được nhà khoa học lượng tử phát hiện ra. Nhưng vẫn còn một vấn đề, a-lại-da từ đâu mà có? Điều này thì họ không có biện pháp. Kinh Phật có thể nói ra được, a-lại-da từ đâu mà đến, vì sao lại có a-lại-da?

Thế nên tiên sinh Phương Đông Mỹ năm xưa giới thiệu Phật pháp cho tôi, nói rằng Thích-ca Mâu-ni Phật là nhà triết học lớn, tôi học triết học với thầy, tôi muốn tìm nhà triết học, tôi không tìm tôn giáo, tôi không tìm đến mê tín. Thầy nói: “Thích-ca Mâu-ni Phật là nhà triết học lớn, kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người.” Những lời này của thầy đã chuyển đổi quan niệm sai lầm trước kia của tôi, tôi vốn cho rằng Phật giáo là tôn giáo, cho rằng nó là mê tín, nhờ vậy mà đã chuyển đổi quan niệm sai lầm trở lại. Tôi đã học, từ chỗ bắt đầu với thầy Phương cho đến nay là 59 năm, sang năm là tròn 60 năm, 59 năm học tập, đã chứng minh lời thầy nói là thật, không phải giả. Cho nên tôi đối với ân đức của thầy mãi mãi không quên, nếu không được thầy chỉ dẫn, làm sao tôi biết được trên thế giới có thứ tốt đẹp như vậy, ở ngay trước mắt mà lại bỏ lỡ, bạn nói đáng tiếc biết bao, biết bao nhiêu người đã để vuột qua. Giờ đây sau 59 năm nghiên cứu và học tập, chúng ta đã phát hiện ra không những nó là đỉnh cao nhất của triết học, mà nó còn là đỉnh cao nhất của khoa học. Ngày nay những vấn đề mà khoa học không thể giải quyết, triết học không thể giải quyết, ở trong kinh điển Đại thừa đều có. Những vấn đề mà nhà khoa học phát hiện ra, khi chúng ta mở kinh Phật ra thì thấy càng ngày càng gần, rốt cuộc có thể đạt tới cảnh giới của Phật hay không? Không thể. Vì sao không thể? Phật nói trong kinh Đại thừa rằng, ý thức chính là tâm phân biệt, năng lực của tâm ý thức rất lớn, sự tưởng tượng của chúng ta chính là thức thứ sáu - ý thức, đối với bên ngoài có thể duyên tới khắp pháp giới hư không giới, đây là trong khoa học ngày nay của chúng ta gọi là thế giới vĩ mô, toàn bộ vũ trụ thì bạn có thể phân duyên tới được, còn đối với bên trong thì bạn có thể duyên tới a-lại-da. Lượng tử lực học ngày nay thực sự duyên đến a-lại-da, nói đến ba tướng tế của a-lại-da, đương nhiên không có nói rõ ràng sáng tỏ như trong kinh Phật. Những gì mà họ phát hiện được trong vũ trụ ngày nay, chính là trong vũ trụ đều không có gì, chỉ có ba thứ. Cũng giống như trong Pháp tướng duy thức nói, nhà Pháp tướng duy thức không thừa nhận rằng trong vũ trụ có bất cứ thứ gì, họ chỉ thừa nhận là duy thức, chỉ có thức, duy nhất chỉ có thức, thức chính là ba tướng tế: tướng nghiệp, tướng chuyển, tướng cảnh giới, họ dùng các danh từ này. Hiện nay nhà lượng tử lực học nói là gì? Vật chất, năng lượng, thông tin, chính là ba tướng tế của a-lại-da. Năng lượng chính là tướng nghiệp của a-lại-da, tuy danh từ nói khác nhau, nhưng cùng là

một sự việc. Thông tin chính là tướng chuyên của a-lại-da, tướng cảnh giới được nhà khoa học hiện nay gọi là vật chất. Điều này hoàn toàn tương đồng với Pháp tướng duy thức nói, không đơn giản, đây chính là huyền bí của vũ trụ.

Phật đã nói rồi, đến khi nào mới có thể thấy được sự huyền bí này, người nào thấy được? Trong kinh Phật nói đó là Bồ-tát Bát địa, đó là công phu định lực. Cho nên nhà khoa học đã dùng thiết bị máy móc để quan sát, để khám phá; nhưng Phật pháp thì không như thế, Phật pháp dùng công phu định lực, các ngài nhập vào định rất sâu, từ trong định mà thấy được. Trong định không có giới hạn của thời gian và không gian, không có các chiều không gian, các ngài nhìn thấy trực tiếp, cho nên thấy rõ ràng hơn nhà khoa học; nhà khoa học phải nhờ vào thiết bị máy móc, họ chưa đoạn được ý niệm. Vì vậy, đức Phật nói nhất định phải đoạn trừ ý niệm, bạn không thể dùng tâm ý thức, nếu bạn dùng tâm ý thức thì không thể thấy được chân tướng, tại sao vậy? Bởi những cái mà bạn thấy là tướng hư ảo, tâm ý thức cũng là tướng hư ảo, tướng hư ảo có thể duyên theo tướng hư ảo, tướng hư ảo không duyên tới chân tướng. Cho nên mới nói rằng nhà khoa học chắc chắn không thể kiến tánh, nếu như nhà khoa học, nhà triết học có thể buông xuống phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm thì họ đã thành Phật rồi, họ mới thật sự thấy được chân tướng. Cho nên chúng ta có thể nói, nhà lượng tử lực học đã đến được mép rìa của Phật pháp, nếu họ có thể thật sự tiến thêm một bước đột phá nữa, buông xuống khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thì họ sẽ chứng đắc, không cần dùng dụng cụ khoa học, chẳng cần phiền phức như vậy nữa. Thế nên, đây là nói về lý thể thật tế, nói về ba đời nhất như. “Niết-bàn thường trụ”, niết-bàn là tiếng Phạn, dịch nghĩa là không sanh không diệt, “bản thể pháp thân”, trong Phật pháp gọi là chân như, cũng gọi là chân tâm, cũng gọi là bản tánh, có rất nhiều danh từ mà tới mấy chục tên gọi. Tại sao một sự việc mà Phật nói ra nhiều danh từ như vậy? Đây là sự khéo léo trong dạy học của ngài, bảo bạn đừng chấp trước tướng danh từ, nói thế nào cũng được, chỉ cần nói về cùng một sự việc, nhằm phá chấp trước, phá phân biệt! Nếu chỉ nói một danh từ thì bạn liền chấp trước, bạn liền phân biệt, khi nói hàng chục danh từ đều nói về cùng một sự việc, tướng danh từ là giả, đừng chấp trước, bạn mới hiểu được nghĩa chân thật mà Phật giảng.

Thứ này đây, bản thể pháp thân “*chính là Phật tánh vốn có của chúng sanh*”, bản thể pháp thân chính là Phật tánh của chính mình, “*bản tâm của tâm này là Phật; vậy nên phán định thuộc về lý, bởi vì đó chính là lý thể thật tế*”. Nói đến sau cùng thì vũ trụ với chính mình là một, không phải hai, đây là gì? Đây chính là nói ra quan hệ luân lý trong Phật pháp, luân lý của Phật pháp giảng vô cùng sâu sắc, cứu cánh viên mãn. Tổ tiên Trung Quốc giảng về luân lý, lấy gia tộc của chúng ta hiện nay làm ví

dụ, từ gia tộc mà suy rộng ra bên ngoài, “phàm là người, đều yêu thương”. Luân lý của Phật pháp giảng về quan hệ, không chỉ là tất cả mọi người cùng với chính mình là một thể, Lão tử nói “trời đất và ta cùng một gốc, vạn vật với ta là một thể”, hai câu này rất gần với những gì Phật pháp Đại thừa giảng. Luân lý của Phật pháp giảng về điều gì? Cây cối hoa cỏ với chính mình là một thể, núi sông đất đai với chính mình là một thể, hư không pháp giới với chính mình là một thể, đây chính là đem luân lý giảng viên mãn, giảng đến cứu cánh. Khi đã hiểu rõ ràng về quan hệ, vậy cái đức đầu tiên trong tự tánh, đức đầu tiên là gì? Là yêu thương. Phật không gọi là yêu thương, vì sợ người ta sẽ sanh ra hiểu lầm, vì trong yêu thương có tình, yêu thương đó có vấn đề, sẽ không phải là thật, sẽ biến đổi; Phật pháp gọi là từ bi, từ bi chính là yêu thương, trong từ bi có trí tuệ nhưng không có tình. Khi giác ngộ gọi là trí tuệ, khi mê rồi thì trí tuệ bèn biến thành tình, gọi là tình thức. Cho nên trí tuệ và tình thức là một sự việc, là hai mặt của một thể, khi ngộ thì là trí tuệ, lúc mê gọi là tình chấp. Phật dạy chúng ta phải giác ngộ, chứ không dạy chúng ta mê hoặc. Chúng sanh trong mười pháp giới đều mê mà không giác, đến khi nào mới chân chánh giác ngộ? Trong kinh Hoa Nghiêm nói từ Sơ trụ của Viên giáo trở lên là giác ngộ, trong tâm họ hoàn toàn là trí tuệ, không còn tình chấp. Trong mười pháp giới, pháp giới Phật có chín phần giác ngộ, vẫn còn một phần tình chấp chưa đoạn. Đến Bồ-tát Sơ trụ của Viên giáo, địa vị này tình không còn nữa, mười phần trí tuệ viên mãn hiện tiền, như thế mới có tác dụng, mới không thoái chuyển, mới không bị đọa lạc. Cho nên, mục tiêu cuối cùng của giáo học Phật pháp là dạy chúng ta trở về tự tánh, trí tuệ viên mãn trong tự tánh chính là lý thể thật tế.

“Phật thuyết Đại thừa là giáo, tức là nương vào lý thể của vô lượng thọ này, chỉ thẳng Đại thừa làm thí dụ, nhằm tuyên thuyết bộ Đại kinh vốn sẵn có của chúng sanh, phán định đó là giáo, nghĩa lý hết sức rõ ràng.” Ý nghĩa này rất rõ ràng, rất sáng tỏ, đây là lời của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, trong đây ngài đã nói một câu rất hay, Đại kinh vốn sẵn có của chúng sanh. Ngày nay chúng ta học kinh Vô Lượng Thọ, học kinh Vô Lượng Thọ của ai? Không phải của A-di-đà Phật, chẳng phải của Thích-ca Mâu-ni Phật, mà là của chính mình. Tại sao vậy? Trong tâm của chính chúng ta, trong chân tâm, trong tâm thanh tịnh vốn dĩ đầy đủ “Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác”. Người Trung Quốc chúng ta cũng nói về bốn tánh, trong Tam Tự Kinh, câu đầu tiên nói “người ban đầu, tánh vốn thiện”, Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác, chỉ là một chữ thiện trong Tam Tự Kinh, bốn tánh vốn thiện. Thiện nghĩa là gì? Chính là 14 chữ trong đề kinh. Là của chính mình, không phải từ bên ngoài, học cái này để làm gì? Học để chúng ta trở về với vốn thiện, vậy bạn liền thành Phật. Hiện nay chúng ta là như thế nào? Hiện nay chúng ta là “tánh gần nhau, tập xa nhau”, tánh của chúng ta đều là giống nhau,

đều là thanh tịnh bình đẳng giác, đều là Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác, đều như vậy. Thế nhưng hiện tại đã mê, đã lệch, đã tà, bị lệch sang phía tập tánh, tập tánh là gì? Tự tư tự lợi, đúng sai ta người, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn, làm những thứ này, đã lệch rồi. Tiếp nhận giáo dục Phật-đà là vì điều gì? Chúng ta từ những tà lệch đó mà quay đầu, trở về với Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác, trở về vốn thiện của chúng ta, từ tập tánh trở về với vốn thiện của chúng ta là đúng, đây gọi là giáo dục Phật-đà. Giáo dục Phật-đà là gì? Bạn vốn dĩ là Phật, bạn hiện tại đã mê, đã lệch nên gọi là chúng sanh, chúng sanh không có việc gì làm, cứ đi làm việc luân hồi trong lục đạo, làm khổ sở đến thế rồi mà vẫn đang oán trời trách người, không biết đó là tự làm tự chịu. Thật sự hiểu rõ ràng, thật sự làm sáng tỏ, hóa ra đây quả thật là giáo dục tốt nhất trong thế gian và xuất thế gian.

Thầy Phương những năm cuối đời dạy học ở Đài Loan, từ lúc tôi biết thầy cho đến khi thầy qua đời, trong suốt hơn 20 năm, các khóa trình thầy mở ở trường toàn bộ đều là kinh Phật, thế nhưng thầy không giảng từng bộ kinh một, mà thầy giảng đại ý. Thầy dạy học cũng giống như Thích-ca, cũng giống như Không tử, ngài dạy học không có giáo án, cũng không có sách giáo khoa. Cũng may là vào thời đó, thầy còn cởi mở hơn thầy Lý một chút, thầy Lý giảng kinh là không cho phép người ta ghi âm, ghi hình lại càng không được phép, nếu bạn mang máy ghi âm đến thì thầy sẽ không giảng. Thế nhưng thầy Phương của chúng tôi lại cho phép học trò ghi âm, điều này cũng rất tốt. Bạn thấy Toàn Tập của thầy, đó là do học trò ghi chép lại, từ đâu mà có? Được ghi chép lại từ trong băng ghi âm. Sách do chính thầy viết không nhiều, chỉ có mấy loại, hiện thời Toàn Tập có phân lượng lớn như vậy, là ghi chép ra từ băng ghi âm. Thầy không thích dùng sách, cũng không thích dùng giáo án, nói chuyện với bạn một cách thoải mái. Tôi học với thầy một thời gian, thầy là đặc biệt giảng riêng cho một mình tôi, cho nên tôi là học trò rất đặc biệt, các đồng học đều rất ngưỡng mộ. Ở Hồng Kông, ông Đường Quân Nghị là học trò của thầy, một trong những học trò thời kỳ đầu, đều là người rất có thành tựu. Cho nên phương pháp mà người xưa dùng, hiện nay vẫn là có người dùng, thế nhưng học trò phải có trình độ nhất định, nếu không đủ trình độ nhất định thì nghe không hiểu những điều thầy nói, một khi thật sự nghe hiểu rồi thì sẽ thấy vô cùng thú vị.

Thế nên phải hiểu rằng, hết thầy kinh Phật, không chỉ riêng bộ kinh này, toàn bộ đều là tự tánh, là một phần của tánh đức, một phần chính là toàn phần, như kinh Hoa Nghiêm nói “một tức là nhiều, nhiều tức là một”. Sự việc này vừa hay lại được lượng tử lực học phát hiện ra, lượng tử lực học phát hiện bất cứ một tế bào nào, thậm chí một phân tử còn nhỏ hơn tế bào, bên trong phân tử đều có thông tin viên mãn của

vũ trụ, họ đã phát hiện ra điều này. Trong Phật pháp thì điều này được nói rất nhiều, Phật pháp nói đến vi trần, trong mỗi một hạt vi trần đều có toàn thể của cả vũ trụ, trong vi trần có thế giới, thế giới không thu nhỏ, vi trần không phình to, trong đó có thế giới viên mãn. Thế giới này, trong kinh Hoa Nghiêm đã nói với chúng ta, chúng ta đã đọc qua, ai có thể đi vào thế giới vi trần? Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Phổ Hiền có thể vào trong thế giới vi trần để tham học, để giáo hóa chúng sanh. Mỗi hạt vi trần đều là như vậy, chẳng có ngoại lệ, một chính là nhiều, nhiều chính là một, một và nhiều không hai. Trong tự tánh không có lớn nhỏ, không có xa gần, không có xa gần chính là không có không gian, không có trước sau chính là không có thời gian, không có đối lập, đây là sự hiển lộ viên mãn của tánh đức.

Tiếp theo nói với chúng ta rằng: *“Lại từ giáo khởi hạnh, cho nên trong phần văn sau, trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác chính là diệu hạnh mà đức Phật đã giáo hóa vậy.”* Trang nghiêm, ngày nay chúng ta nói là tốt đẹp, thanh tịnh bình đẳng giác chính là cái mà chúng ta tu học. Tôi cũng có một cách giảng của tôi, cách giảng của tôi không giống với cách giảng của cụ Hoàng, tôi cảm thấy cách nói đó của tôi giúp mọi người dễ hiểu hơn. Tôi đem điều này phối hợp với ba giai đoạn tu học là A-la-hán, Bồ-tát và Phật, buông xuống chấp trước, đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian không còn chấp trước nữa thì tâm thanh tịnh hiện tiền, đây chính là A-la-hán, là tâm thanh tịnh đầu tiên mà bạn khôi phục được; tiến thêm bước nữa là buông xuống phân biệt, không còn có ý niệm phân biệt, thì tâm bạn đặc định rồi, đã không còn phân biệt, tâm bình đẳng hiện tiền là Bồ-tát. A-la-hán vẫn còn phân biệt, Bồ-tát không còn phân biệt nữa, đến sau cùng khởi tâm động niệm đều không có, đó chính là giác của Phật-đà. Cho nên thanh tịnh bình đẳng giác là ba cấp bậc, ba giai đoạn của tu học, bậc thượng thượng căn thì buông xả tức khắc, đoạn trừ ngay khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, giống như Lục tổ Huệ Năng của Thiên tông là người như vậy, ngài có thể lập tức buông xuống thì thành Phật, phàm phu liền thành Phật. Cho nên về mặt lý luận mà nói, phàm phu thành Phật phải cần bao nhiêu thời gian? Một niệm. Trong một niệm phàm phu có thể thành Phật, vậy bạn thử nghĩ xem, một niệm của chúng ta có thể tiêu diệt được tội nghiệp của chính mình hay không? Bạn chẳng phải hiểu rõ rồi sao? Tội nghiệp đã tạo trong vô lượng kiếp chỉ cần một niệm giác thì không còn nữa, đều diệt hết, thì thành Phật rồi.

Phật có một ví dụ trong kinh, “phòng tối ngàn năm”, căn phòng ấy tối tăm suốt một ngàn năm, không có đèn, ánh sáng không chiếu tới. Phòng tối ngàn năm ví dụ cho điều gì? Ví dụ cho thời gian bạn tạo tác tội nghiệp rất dài, tội rất nặng, thấp lên một ngọn đèn liền soi sáng, bóng tối chẳng còn nữa. Cho nên chúng ta hiểu được đạo lý này, buông xuống khởi tâm động niệm thì thành Phật, trong kinh Đại thừa thì khởi

tâm động niệm được gọi là căn bản vô minh. Hết thấy các hiện tượng hư vọng, y chánh trang nghiêm của mười pháp giới là tướng hư ảo, “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, “tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng”, cái này mọi người đều biết đọc, nhưng bạn có cảm nhận được hay không? Chúng ta chia nó thành từng giai đoạn, đối với tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian không chấp trước, thì lục đạo không còn nữa. Từ đó có thể biết, cái nghiêm trọng nhất tạo thành lục đạo là chấp trước, không còn chấp trước nữa thì lục đạo sẽ không còn, vẫn còn tứ thánh pháp giới, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật, đó là gì vậy? Phân biệt, bạn có phân biệt thì sẽ có. Phân biệt không còn, không còn phân biệt thì tứ thánh pháp giới cũng không còn, mười pháp giới cũng không còn nữa, phần còn lại gọi là nhất chân pháp giới. Khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm không còn nữa thì bạn sẽ vượt khỏi mười pháp giới. Nay chúng ta đã hiểu, cõi thật báo của chư Phật Như Lai sở dĩ có thể tồn tại, là vì tập khí vô thủy vô minh chưa đoạn sạch, nên các ngài hiện tướng này; nếu như khi tập khí đoạn sạch thì tướng này không còn nữa. Cho nên “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, Phật không có nói trừ cõi Thật báo của chư Phật Như Lai ra, ngài không nói câu này. Không nói câu này; nói theo cách khác, cõi Thật báo cũng là vậy, cũng không phải thật. Tập khí vô thủy vô minh được đoạn sạch thì đó là hình dáng gì? Vẫn còn có, trong Tịnh độ nói là cõi Thường tịch quang hiện tiền. Thường tịch quang chính là tự tánh của chúng ta, Thường tịch quang chính là bản thể, Thường tịch quang chính là bản tâm đang được nói chỗ này, Thường tịch quang chính là lý thể thật tế được nói chỗ này, đã quay về Thường tịch quang, Thường tịch quang là tự tánh.

Đại sư Huệ Năng khi minh tâm kiến tánh đã thấy gì vậy? Thấy được Thường tịch quang, Thường tịch quang có hình dáng ra sao, ngài đã nói ra được, còn nhà khoa học không nói ra được. Thứ nhất là thanh tịnh, “nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh”, một chút ô nhiễm cũng không có, xưa nay chưa từng bị ô nhiễm, trong lục đạo không ô nhiễm, trong địa ngục A-tỳ cũng không ô nhiễm, chân tánh của bạn xưa nay chưa hề bị ô nhiễm. Thứ hai là “vốn không sanh diệt”, không sanh không diệt, là vĩnh hằng. Thứ ba là “vốn tự đầy đủ”, trong Thường tịch quang thứ gì cũng không có, nó không phải vật chất cũng không phải tinh thần, nó cũng không phải hiện tượng tự nhiên, thế nhưng những thứ này đều ẩn tàng ở bên trong, chỉ là nó chưa hiển lộ ra. Vốn tự đầy đủ, giống như chiếc tivi của chúng ta, chúng ta ngắt nguồn điện thì không có thứ gì hết, nhưng bạn không thể nói nó không có, khi bạn bật điện lên thì nó liền hiện ra. Đây chính là ẩn hiển mà nhà Phật nói, trong Thường tịch quang thì ẩn, nó cái gì cũng không có. Nếu như gặp được duyên thì “có thể sanh vạn pháp”, có thể sanh vạn pháp là hiển, sanh ra mười pháp giới, sanh ra cõi thật báo của chư Phật là hiển. Khi hiển thì bạn không thể nói nó có, khi không hiển thì bạn không thể nói nó

không có. Tự tánh vốn định, cho nên định quá quan trọng, đại sư Huệ Năng nói “nào ngờ tự tánh, vốn không dao động”, cũng nghĩa là chân tâm thì bất động, cái gì dao động thì là vọng tâm, không phải chân tâm. Chúng ta nói khởi tâm động niệm, nghĩ đông nghĩ tây là vọng tâm, không phải chân tâm, đó là thức thứ sáu của a-lại-da, điều này cần phải hiểu rõ ràng. Khoa học đạt đến mức độ cao nhất, thật giống như lời Phật đã nói, có thể phát hiện ra a-lại-da, nhưng họ không thể kiến tánh, tại vì sao? Kiến tánh cần phải buông xuống vọng tưởng phân biệt chấp trước, nhà khoa học chưa buông xuống được những thứ này, cho nên họ không thể kiến tánh. Khoa học đạt đến cảnh giới này rồi thì không thể tiến cao hơn được nữa, họ vẫn nghiên cứu, thăm dò bản thể của vũ trụ, nhưng không tìm được, khẳng định là không tìm được; nếu buông xuống thì tìm được ngay, đây chính là phải có công phu định lực. Cho nên, trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác tức là diệu hạnh mà Phật đã giáo hóa.

“Một câu A-di-đà, dùng để trang nghiêm tự tâm, thanh tịnh tự tâm, đó chính là y giáo tu hành vậy.” Đây là trở về với Tịnh độ tông, trở về với phương pháp tu hành được giảng cho chúng ta trong bộ kinh này, chính là một câu A-di-đà, “phát tâm bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm”. Đặc biệt là trong xã hội ngày nay, tai nạn rất nhiều, chúng ta buông xuống vạn duyên, buông xuống tất cả, thật sự buông xuống giống như Thích-ca Mâu-ni Phật, trong tâm chỉ có một câu A-di-đà Phật, ngoài A-di-đà Phật ra thì cái gì cũng không có, tâm bạn rất vui vẻ, rất tự tại! Đó mới là điều mà tiên sinh Phương Đông Mỹ nói về “hưởng thụ cao nhất của đời người”. Tự mình đã có nắm chắc phần quyết định sanh về Tịnh độ, ở lại thế gian này thêm một ngày thì nỗ lực thêm một ngày, để làm gì? Nâng cao phẩm vị. Làm sao để nâng cao phẩm vị? Tuyệt đối không lưu luyến thế gian này thì phẩm vị của bạn mới có thể nâng cao. Đối với thế gian này còn một chút tơ hào vướng mắc thì đó chính là sợi dây thừng trói chặt lấy bạn, khiến bạn không đi được, như vậy thì bạn sai rồi, phải buông xuống hết thảy. Thế nên chúng ta sanh ra trong thời đại này, đối với một người tu hành chân thật muốn chứng quả, muốn thành Phật mà nói, thì đây là hoàn cảnh tốt. Tai nạn nhiều là hoàn cảnh tốt, nó ép bạn không thể không dụng công, ép bạn không thể không buông xuống, đây gọi là nghịch tăng thượng duyên. Nếu như là thái bình thịnh thế, mọi việc đều vừa lòng hợp ý, bạn sẽ không muốn đi, bạn vẫn còn muốn ở lại thế giới này sống thêm vài năm nữa. Nếu thấy tai nạn hiện nay dồn dập như vậy, trong tâm liền mong mỗi mình được đi cho mau, đi ngay hôm nay là tốt nhất. Chính cái tâm này thành tựu cho bạn dũng mãnh tinh tấn, khiến cho bạn ở trong hoàn cảnh này có tâm cảnh giác rất cao, một chút cũng không mê lầm. Cho nên chúng tôi thường nói trong các buổi giảng rằng, thế gian này mọi người là người tốt, mọi việc là việc tốt, người đến gây phiền phức, người đến chướng ngại, đều là người tốt, đều là việc tốt. Vì sao vậy? Giúp chúng ta không còn chút lưu luyến nào với thế giới này, điều

này đối với người tu hành là việc tốt lớn, bạn đời này quyết định thành tựu, hơn nữa thành tựu rất nhanh.

Tiếp theo nói, “*không nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ*”, không nhờ phương tiện, nghĩa là không cần mượn thêm bất kỳ phương pháp nào khác để hỗ trợ, chỉ đơn thuần một câu A-di-đà Phật này là đủ rồi, tâm tự khai ngộ, chính là bạn khai ngộ, đây chính là minh tâm kiến tánh. “*Hiển lộ trọn vẹn bình đẳng giác vốn có, đây là dùng hạnh để hiển lý vậy*”, chúng ta thật niệm, thật làm, thì trong sự niệm Phật này bạn sẽ có định, định thì sanh tuệ, khi thật sự buông xuống được thì tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng hiện tiền, lẽ nào lại không khai ngộ cho được! Một khi vừa khai ngộ thì tất cả nghiệp chướng đều tiêu sạch. Chúng ta thử nghĩ xem, vào thời nhà Đường, đại sư Huệ Năng thật sự đã khai ngộ trong thất phương trượng của Ngũ tổ, nghiệp chướng đã tiêu sạch, tại sao còn phải trốn trong nhóm thợ săn suốt 15 năm, thì pháp duyên mới chín muồi? Tại sao vậy? Nghiệp chướng của chính bạn đã tiêu trừ, nhưng phước báo của chúng sanh chưa hiện tiền, chúng sanh còn nghiệp chướng thì không có cách nào, bạn không thể tiêu trừ thay họ được. Nhất định nghiệp chướng của chúng sanh cũng tiêu mất thì bạn mới có thể giúp đỡ được, đây gọi là gì? Phật không độ người không có duyên. Chúng sanh có nghiệp, chúng sanh đáng thương, vẫn không thể tiếp nhận, bạn phải từ từ đợi họ, đại sư Huệ Năng đã có thể đợi 15 năm. Sau đó các Bồ-tát này đều giúp đỡ ngài, Ấn Tông chính là Bồ-tát, thế thì còn gì bằng, không hề có một chút tâm đố kỵ nào, đây là Bồ-tát, không phải người phàm. Có tâm đố kỵ, chèn ép ngài, luôn muốn không chế ngài, lợi dụng ngài, chiếm hữu ngài, để mưu cầu danh vọng lợi dưỡng cho riêng mình. Ấn Tông không phải vậy, Ấn Tông phát hiện ngài thật sự là người đắc pháp từ Hoàng Mai, pháp sư được truyền y bát, khi đó Lục tổ là cư sĩ chưa xuống tóc, Ấn Tông thế độ cho ngài. Cho nên, Ấn Tông là thầy thế độ của Lục tổ, sau khi xuống tóc xong, Ấn Tông bái Lục tổ làm sư phụ, bái ngài làm thầy. Bởi thế, Huệ Năng là thầy truyền pháp của Ấn Tông, Ấn Tông là thầy thế độ của Huệ Năng, điều này thật tuyệt vời. Ấn Tông năm ấy ở Lĩnh Nam, ở Quảng Đông danh tiếng rất cao, pháp duyên rất thịnh, vừa bái Lục tổ làm thầy thì đã nâng ngài lên, lập tức đề cử ngài ra. Ấn Tông làm hộ pháp của ngài, mời ngài đến giảng kinh dạy học, vậy ai mà không phục? Ai mà không nghe? Ấn Tông dẫn đầu đến nghe, dẫn đầu đến học. Đây là điều Phật pháp nói: “Một Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ.”

“*Lại nữa, được vãng sanh thì ngộ Vô sanh nhẫn, từ thế khởi dụng, lại dùng diệu pháp bình đẳng này phổ độ bình đẳng hết thảy chúng sanh vãng sanh Tịnh độ, cùng chứng Đại giác, đây chính là từ các hạnh hiển lý vậy.*” Vãng sanh rồi mới chân thật chứng đắc vô sanh, địa vị Vô sanh pháp nhẫn là rất cao, trong kinh Đại thừa nói

rằng Bồ-tát Đấng địa mới chứng đắc, thật sự chứng đắc Vô sanh pháp nhãn là từ Thất địa trở lên. Thế nào gọi là Vô sanh pháp nhãn? Kỳ thực chúng ta hiện nay cũng biết, chúng ta hiện nay không phải là chứng ngộ, mà là giải ngộ, không phải chứng ngộ thì không hữu dụng, không phải là cảnh giới của chúng ta. Chúng ta quả thực biết, tại sao vậy? Bạn đã đọc đoạn đối thoại giữa Bồ-tát Di-lặc và Thích-ca Mâu-ni Phật, liền biết được tất cả pháp không sanh, tất cả pháp không diệt. Nhẫn là bạn thừa nhận, bạn đồng ý, bạn công nhận, tất cả pháp thật sự không sanh. Vậy pháp là gì? Bồ-tát Di-lặc đã giảng cho chúng ta, “một khủy ngón tay có 320 ngàn tỉ niệm, mỗi niệm thành hình”, hình là hiện tượng vật chất, “hình đều có thức”, thức là hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất từ đâu mà có? Là một loại tướng hư ảo do ý niệm tích lũy liên tục mà thành. Cách nói này là nhà khoa học lượng tử nói, bởi vì họ cũng phát hiện ra, họ phát hiện vật chất và tinh thần là đột nhiên phát sinh, trong không sanh có, thời gian rất ngắn, vừa sinh ra thì lập tức diệt mất, liền không còn nữa, đây chính là hiện tượng của vô sanh. Nhà khoa học là dùng thiết bị máy móc mà chứng được, vẫn chưa làm cho rõ ràng; thế nhưng người tu hành là công phu định lực, công phu định lực là gì? Tâm thanh tịnh của họ hiện tiền. Nhà khoa học giống như chúng ta, chưa rời khỏi phân biệt chấp trước, họ chỉ quan sát thông qua thiết bị, cho rằng vật chất là sự việc như vậy.

Cho nên những nhà khoa học này nói rằng, trong vũ trụ, căn cứ vào việc họ nghiên cứu nguyên tử, nghiên cứu những hạt cơ bản này, đã đi đến kết luận cuối cùng, trong vũ trụ không có thứ gì là vật chất, hiện tượng vật chất và tinh thần đều là hiện tượng do ý niệm tích lũy liên tục. Vì vậy trong kinh Hoa Nghiêm, tôi thường xuyên nhắc nhở các đồng học rằng, hiện tượng này là tương tiếp nối tương tự, chứ không phải là tiếp nối thật sự, thực tế là do mỗi niệm sanh ra, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều là độc lập, niệm sau không giống niệm trước, mỗi niệm đều khác nhau, nó là tương tự, chứ không hoàn toàn giống nhau, nên không thể nói là tiếp nối, mà phải nói là tiếp nối tương tự. Cho nên tôi thấy cách nói của nhà khoa học rất hay, họ nói đó là tích lũy, ý niệm tích lũy thành một tướng hư ảo liên tục, cách nói này nói được rất hay, giảng được rất rõ ràng. Đối với Vô sanh nhãn này, khi bạn thật sự thừa nhận nó, biết rõ những thứ này không phải là thật, bao gồm cả thân thể chúng ta, vậy bạn liền buông xuống tâm này, buông tâm thì tự tại ngay, một khi buông tâm thì toàn bộ tế bào trong thân bạn đều khôi phục bình thường. Nếu bạn không buông tâm, hôm nay nghĩ cái này, ngày mai trong lòng nghĩ đến gan, hôm sau nghĩ đến phổi, sau nữa lại nghĩ đến tim, bên trong luôn ở trạng thái căng thẳng, căng thẳng thì thế nào? Rất dễ phát sinh trạng thái bệnh lý, các tế bào này liền sinh ra biến đổi. Bạn hết thấy đều hiểu rõ thì bình thường ngay, vừa sanh ra liền lập tức diệt mất, bạn căn bản không còn nghĩ đến nó nữa, chân tướng sự thật đã hiểu rõ, mặc kệ nó

đi! Toàn bộ khôi phục lại bình thường, tế bào vốn có bệnh trạng đều phục hồi trở lại bình thường. Cho nên lợi ích tối thiểu của học Phật là gì? Bạn không sanh bệnh! Lại nói cho bạn biết, bạn không chết, sanh tử là giả, điều này là thật, không phải giả, tuyệt đối không phải mê tín.

Thế nên sanh tử, Phật pháp nói về liễu sanh tử, liễu là gì? Là hiểu rõ, thật sự hiểu rõ ràng, hiểu tường tận sanh tử là sự việc gì, cho nên bạn đối với nó một chút sợ hãi cũng không có. Sanh tử là sự việc gì? Thay một bộ quần áo mà thôi. Thân thể vật chất này sử dụng một thời gian thì không còn tốt nữa, không còn tốt thì đổi một cái khác; cũng giống như quần áo mặc dơ rồi, đã bị rách, hoặc mặc không thích nữa, vậy thay bộ khác, đó là việc hết sức bình thường. Tinh thần không diệt, bạn không chỉ là thay đổi, bạn xem cái thân thể này bỏ đi rồi, nhưng còn linh tánh. Chúng ta nói là linh hồn, linh hồn thì đang mê, sau khi giác ngộ thì không gọi là linh hồn, mà gọi là linh tánh. Học Phật không phải vì điều gì khác, mà là nâng cao linh tánh của chính mình, thân thể là thứ phụ thuộc, linh tánh gá vào cái thân này, cái thân này một chút bệnh tật cũng không có. Bởi vì linh hồn có mê, mê rồi thì nó có vọng tưởng phân biệt chấp trước, còn linh tánh không mê, cho nên liền hình thành nên “thân kim cang bất hoại” như trong kinh Phật nói, chuyển mê thành ngộ thì liền là thân kim cang bất hoại. Từ thể khởi dụng, đây là gì? Đây là ứng hóa ở thế gian, từ thể khởi dụng. Lại dùng phương pháp này, phương pháp thanh tịnh bình đẳng giác phổ độ bình đẳng hết thảy chúng sanh, phương pháp này vi diệu tột cùng, thanh tịnh bình đẳng giác chính ngay trong một câu A-di-đà Phật. Câu A-di-đà Phật này hoàn toàn là tiếng Phạn, ý nghĩa của nó có thể dùng thanh tịnh bình đẳng giác để dịch. A-di-đà Phật là ý nghĩa gì? Thanh tịnh bình đẳng giác, dùng phương pháp này để độ hết thảy chúng sanh, giúp họ vãng sanh thế giới Cực Lạc cùng chúng Vô thượng bồ-đề, Đại giác là Vô thượng bồ-đề, chính là trở về tự tánh. Đây là từ các hạnh hiển lý, các hạnh là vô số hành môn, bao gồm đời sống hằng ngày, làm việc, xử sự đối người tiếp vật của chúng ta, toàn bộ là A-di-đà Phật, toàn bộ là thanh tịnh bình đẳng giác. Điều quan trọng nhất là chúng ta phải thật sự hiểu rõ, thật sự biết dùng, phương pháp biết dùng đơn giản nhất chính là trong đời sống, công việc, xử sự đối người tiếp vật, trong tâm có A-di-đà Phật, trong tâm ngoài A-di-đà Phật ra thì cái gì cũng không có, chính là ý nghĩa của câu nói này. Trong tâm không cần nghĩ thanh tịnh bình đẳng giác, chỉ cần nghĩ A-di-đà Phật, đơn giản bốn chữ này, cứ như vậy liền nhập vào cảnh giới này. Đã áp dụng được thanh tịnh bình đẳng giác vào trong đời sống, áp dụng được vào trong công việc, áp dụng được vào trong xử sự đối người tiếp vật, đây là từ trong các hạnh hiển lý, đây là tự tánh.

“Nếu đem đề kinh phối hợp với ba đại”, ba đại là thể tướng dụng, vậy trong đề kinh có ý nghĩa này hay không? “*Vô Lượng Thọ là thể đại, trang nghiêm thanh tịnh là tướng đại, bình đẳng giác là dụng đại*”, thật vậy, ý nghĩa của ba đại có đầy đủ, rất rõ ràng. Chúng ta xem tiếp đoạn dưới, “*căn cứ theo bản Hán dịch, vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác chính là nghĩa của A-di-đà Phật*”. Trong năm bản dịch gốc, đề kinh của bản Hán dịch là kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, đề kinh này là dịch theo nghĩa, còn nguyên văn tiếng Phạn thì chính là A-di-đà. “*Lại có thể dùng đề kinh này phối hợp với ba giác. Vô Lượng Thọ Phật là bốn giác của ta. Phát tâm bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm để trang nghiêm tự tâm gọi là thi giác. Thi giác hợp với bốn giác, thẳng tiến đến cứu cánh giác, chính là thanh tịnh bình đẳng giác nêu trong đề kinh.*” Đây là phối hợp với ba loại giác, thi giác, bốn giác và cứu cánh giác, trong đây bốn giác là lý thể, thi giác là bắt đầu tu hành. Chúng ta suốt ngày mê mà không giác, quý vị phải hiểu được, niệm Phật chính là giác mà không mê. Nhưng bạn phải thật sự hiểu, nếu bạn không hiểu, bạn không nghe kinh, bạn không học giáo, vậy thì bạn niệm câu A-di-đà Phật này vẫn là mê hoặc điên đảo, là mê tín, A-di-đà Phật là gì? Không biết. Người ta hỏi A-di-đà Phật là gì? Bức tượng Phật thờ trong nhà tôi chính là A-di-đà Phật, họ chỉ vào pho tượng ấy, căn bản không biết A-di-đà Phật là gì. A-di-đà Phật chính là tự tánh, là bản tánh của chính mình, là thanh tịnh bình đẳng giác vốn đầy đủ trong tự tánh của mình. Hiểu rõ rồi, khi họ niệm liền tương ưng, cũng giống như phương pháp của Mật tông gọi là tam mật tương ưng, tay kết thủ ấn, thủ ấn chính là ngày nay chúng ta gọi là ngôn ngữ ký hiệu, miệng trì chú, trong tâm quán tưởng, thấy đều tương ưng thì mới được. Chúng ta niệm một câu A-di-đà Phật cũng là như vậy, khi niệm A-di-đà Phật chấp tay niệm cũng được, biểu thị cung kính. Tay lần tràng hạt mà niệm cũng được, cầm tràng hạt trên tay mà không lần cũng được, tại sao vậy? Nhắc nhở bản thân, tràng hạt dù không lần cũng nhắc nhở chính mình, điều này tương đương với thủ ấn, tương đương với kết ấn. Một câu A-di-đà Phật không rời miệng, giống như trì chú, tâm trong sạch sẽ mây trần không nhiễm, hoặc miệng niệm Phật, trong tâm có Phật, tức là một A-di-đà Phật, biết được A-di-đà Phật chính là tự tánh của mình, biết được A-di-đà Phật chính là thanh tịnh bình đẳng giác của mình, biết được A-di-đà Phật chính là đại viên mãn của mình, đây chẳng phải là giống hệt nhau sao? Là một sự việc. So với Mật giáo còn đơn giản hơn, thuận tiện hơn, trong Mật giáo thì quy củ rất nhiều, còn pháp môn này thì không, hoàn toàn cho phép bạn thả lỏng. Cho nên bạn phải biết niệm, thật sự một pháp môn chính là hết thấy pháp môn, một câu A-di-đà Phật này, Đại thừa, Tiểu thừa, Hiển giáo, Mật giáo, Tông môn, Giáo hạ toàn bộ đều đã bao gồm, bạn nói xem pháp môn này thù thắng biết bao, pháp môn này vi diệu biết bao!

Tiếp theo: *“Lại có thể hiểu như sau: Bình đẳng giác là bốn giác của ta. Khởi tâm niệm Phật để tự trang nghiêm là thí giác. Thí bốn không rời nhau, thẳng tiến trên đường giác ngộ, đón nhập Tịch quang, chứng vô lượng thọ. Như vậy thì bình đẳng giác là tâm nhân của ta, vô lượng thọ là quả giác của ta. Diệu nghĩa như vậy xoay vần vô tận, đều ở trong một đề kinh.”* Đề ở trong đề kinh này, trong đề kinh hàm chứa vô lượng nghĩa, đây là thật chứ không phải giả. *“Vì thế trong Viên Trung Sao, sơ nói: Nghe tên của đề kinh được vô lượng công đức. Phần sao nói: Như kinh Kim Quang Minh và các kinh điển Đại thừa khác, phần nhiều đều nói như vậy.”* Điều này chúng ta thấy rất nhiều trong các chú sớ của đại đức xưa về kinh điển Đại thừa, không những đề kinh đầy đủ vô lượng nghĩa viên mãn, chúng tôi trong các buổi giảng cũng từng báo cáo với quý vị, một câu A-di-đà Phật cũng đầy đủ vô lượng nghĩa, một câu A-di-đà Phật này, trong đây dung nhiếp đầy đủ tiêu đề của 12 bộ kinh, tức là 12 bản dịch của kinh này, mỗi một đề mục đều ở trong Phật hiệu. Cho nên khi bạn niệm câu Phật hiệu này, tức là đã niệm được tiêu đề của cả 12 bộ kinh, niệm tiêu đề tức là toàn bộ kinh đã niệm được, toàn bộ kinh niệm được thì cũng tương đương niệm được toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, hết thấy kinh điển mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã giảng trong 49 năm, không thiếu một bộ nào cả. Phần giải thích của Hoàng Niệm lão đối với đề kinh, chúng ta học đến chỗ này.

Tiếp theo, tôi đem cách giảng về đề kinh của bộ kinh này mà trước đây tôi đã giảng, trình bày một cách đơn giản cho quý vị nghe. Hiện nay chúng ta giảng bộ kinh này là lần thứ 11, trước đây tôi đã giảng qua 10 lần, nhưng trong 10 lần đó chúng ta không giảng chú giải của Hoàng Niệm lão, chỉ là giảng kinh mà không giảng chú giải, hoặc tham khảo chú giải và chọn ra một vài phần, còn lần này chúng ta sẽ học tập không sót một chữ nào trong chú giải. “Phật thuyết Đại thừa”, Phật là Thích-ca Mâu-ni Phật nói, ý nghĩa này rất rõ ràng, Phật là Thích-ca Mâu-ni Phật, là Bốn sự, thuyết là vui sướng trong lòng. Phật xuất hiện ở thế gian này mục đích để làm gì? Là để rộng độ chúng sanh, để giúp chúng sanh mau chóng thành Phật. Vậy phương pháp nào có thể giúp chúng sanh ngay đời này liền được thành Phật? Chính là pháp môn này, chính là bộ kinh này, Phật thấy cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi. Thế nào gọi là cơ duyên? Họ có thể tin, họ nghe hiểu, họ có thể lý giải, sau khi họ nghe hiểu rồi thì họ chịu làm, chịu phát nguyện vãng sanh, vậy là cơ duyên đã chín muồi. Phật liền giảng bộ kinh này cho mọi người, viên mãn nguyện của bạn, bạn trong đời này chắc chắn sẽ được như nguyện, sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận A-di-đà Phật, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc tu hành chứng quả, thành Phật độ sanh giống như ngài, đây là ý nghĩa của hai chữ Phật thuyết.

Đại thừa là trí tuệ, bởi vì Thế Tôn trong phẩm Xuất Hiện của kinh Hoa Nghiêm nói cho chúng ta biết: “Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai”, tôi đem đề kinh này dung thông với điều này, phối hợp với nhau, Đại thừa chính là trí tuệ vốn có trong tự tánh, vô lượng thọ chính là đức vốn có trong tự tánh, trang nghiêm chính là tướng hảo vốn có trong tự tánh. Trí tuệ đức tướng là quả. Quả đương nhiên phải có nhân, nhân là gì? Nhân là thanh tịnh bình đẳng giác, tu ba nhân này thì bạn liền chứng được quả là Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm, tức là Phật quả. Vậy người học Phật rốt cuộc tu cái gì? Chính là tu thanh tịnh bình đẳng giác. Dùng phương pháp gì để tu? Có 84.000 pháp môn, 84.000 ấy là phương pháp, con đường. Còn tu cái gì? Chính là tu thanh tịnh bình đẳng giác, trong bộ kinh này đã trực tiếp chỉ ra cho chúng ta. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là tam học tam tuệ, tam học là giới định tuệ, thanh tịnh là giới, bình đẳng là định, giác chính là tuệ, tam học giới định tuệ. Thanh tịnh bình đẳng giác cũng chính là tam tạng, tam tạng mười hai bộ kinh, trong tam tạng thì thanh tịnh là luật tạng, bình đẳng là kinh tạng, giác là luận tạng, bạn xem tam học tam tạng. Đây lại là tam bảo, thanh tịnh là tăng bảo, sáu căn thanh tịnh mảy trần không nhiễm, đó gọi là tăng bảo, là người trì giới. Hiện nay vấn đề đã phát sinh, tại gia học Phật thì không làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo, xuất gia học Phật thì không làm được Sa-di Luật Nghi, vấn đề liền xuất hiện, cho nên bất luận tại gia hay xuất gia học Phật đều không thể thành tựu. Trong mấy chục năm qua chúng tôi đã thấy quá nhiều, đã nghĩ biết bao nhiêu năm mới hiểu ra vì sao lại có hiện tượng này, vì sao người xưa không như vậy, người xưa dù tại gia hay xuất gia đều có thể tu hành chứng quả, còn người thời nay thì vì sao lại không làm được?

Nghĩ đi nghĩ lại, cuối cùng đã tìm ra được gốc rễ của vấn đề này, người Trung Quốc chúng ta từ sau khi Mãn Thanh mất nước cho đến nay, suốt 100 năm qua, chúng ta đã lơ là giáo dục cấm rễ. Thuở trước thực sự là như vậy, vào khoảng năm Dân Quốc thứ 20, sau khi Mãn Thanh mất nước được 20 năm thì ảnh hưởng vẫn còn. Thời đó người dân phổ thông trong xã hội đều coi trọng giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, hết sức coi trọng. Chúng tôi khi còn nhỏ được thừa hưởng một chút rìa, cái giáo dục cấm rễ này quan trọng. Ngạn ngữ xưa của Trung Quốc nói “dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về”, dạy con từ lúc nào? Còn thơ ấu, vừa sanh ra là trẻ thơ. Còn dạy vợ, khi bạn cưới vợ về nhà thì phải dạy ngay, nếu không sớm dạy, bằng không mà nói cô ấy hình thành thói quen rồi thì sẽ không nghe lời bạn nữa. Trẻ nhỏ từ lúc vừa sanh ra thì phải dạy chúng, vừa chào đời, mắt chúng mở ra biết nhìn, tai chúng biết nghe, chúng tuy chưa biết nói nhưng đã đang học tập rồi, chúng học cái gì? Học theo người lớn. Đầu tiên là cha mẹ mỗi ngày đều ở bên cạnh chúng, mọi khởi tâm động niệm, lời nói cử chỉ của cha mẹ, chúng đều có ấn tượng, từ lúc mới sinh cho đến khi ba tuổi, 1.000 ngày này gọi là giáo dục cấm rễ. 1.000

ngày này dạy tốt, như người xưa nói “ba tuổi thấy tám mươi”, ba tuổi tức 1.000 ngày nếu được dạy tốt thì đến tám mươi tuổi sẽ không thay đổi, vì đã có nền tảng này! Xã hội Trung Quốc sau những năm đầu Dân Quốc đã không còn ổn định, quân phiệt cát cứ, tiếp đó là chiến tranh với Nhật Bản, sau khi 8 năm kháng chiến kết thúc, Trung Quốc chúng ta đã bại trận, không phải là chiến thắng mà là chiến bại. Bại ở chỗ nào? Văn hóa truyền thống Trung Quốc của chúng ta đã đánh mất, gia giáo không còn nữa. Chẳng những gia giáo không còn, mà nhà cũng không còn, phải biết rằng nhà thời xưa của Trung Quốc là đại gia đình, năm đời cùng chung sống, cho nên gia đình có gia học, có gia đạo, gia quy, gia nghiệp. Giờ đây toàn bộ đều không còn nữa, sau khi kháng chiến thắng lợi thì hoàn toàn không còn nữa, đây là chúng ta bị đánh bại, bề ngoài là thắng lợi, nhưng thực chất là bị đánh bại.

Nếu thực sự là đánh thắng thì xã hội của chúng ta ngày nay lẽ ra là trị an lâu dài, lẽ ra phải thịnh thế giống như thời Hán Đường, quốc gia hùng mạnh. Tại sao ngày nay chúng ta vẫn còn khổ như vậy, xã hội động loạn thì chính là bại rồi, chúng ta bề ngoài là thắng lợi, về mặt tinh thần thì xong rồi, nguyên nhân này chúng ta không thể không biết. Cho nên tôi liền nghĩ về việc học Phật, chúng ta phải tìm lại giáo dục cấm rẽ này, dùng cái gì để cấm rẽ? Dùng ba cái rẽ của Nho Thích Đạo, điều này mọi người đã lơ là. Rẽ của Nho là Đệ Tử Quy, rẽ của Đạo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, rẽ của Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu ba cái rẽ này được dạy tốt ngay từ nhỏ thì Sa-di Luật Nghi rất dễ, ai nấy cũng có thể làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo. Điều này mới khiến chúng ta nghĩ đến tại sao người xưa học Phật lại dễ thành tựu như vậy, thời nay thì không được, thời nay ai đang dạy giáo dục cấm rẽ? Tivi đang dạy, mạng Internet đang dạy học sinh. Dạy cái gì? Dạy bạo lực, sắc tình, giết trộm dâm dối. Rẽ học Phật của bạn là cấm ở bạo lực, sắc tình, giết trộm dâm dối, bạn làm sao học Phật tốt được đây? Xã hội làm sao có được an định? Làm sao có thể không có tai nạn cho được? Mọi vấn đề đều đã phơi bày ra hết rồi, chúng ta nhìn thấy vô cùng rõ ràng, vô cùng sáng tỏ. Cho nên suốt bao nhiêu năm qua, tôi cực lực đề xướng việc phải học ba cái rẽ, bổ túc cấp tốc. Học Phật phải bắt đầu học từ đâu? Bắt đầu học từ Đệ Tử Quy, nếu không làm được Đệ Tử Quy thì bạn có học 100 năm, học 300 năm đi chẳng nữa cũng vô dụng, bạn không có rẽ. Làm được Cảm Ứng Thiên thì Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ không thành vấn đề; nếu bạn không cấm rẽ từ nơi này thì thật sự dù có tu 300 năm, chẳng qua cũng chỉ là học giả mà thôi. Cùng lắm thì giống như những gì tôi thấy ở nước Anh, những nhà Hán học đó, hay những vị giáo sư nổi tiếng đó, đều giống như họ vậy, thọ dụng chân thật của Phật pháp thì bạn không đạt được, lợi ích trước mắt bạn cũng không đạt được, lợi ích trước mắt thì tôi đã nói, đó là khỏe mạnh sống lâu, phiền não nhẹ, trí tuệ tăng, đây là những gì bạn phải có được ngay hiện tại. Nếu bạn vẫn còn nhiều phiền não, trí tuệ

không có, vậy làm sao được? Sai rồi! Sai ở chỗ đã lơ là cái căn bản. Giáo dục cảm rễ này quá quan trọng, may mắn là trong vài năm gần đây xã hội trong nước đã dần coi trọng Đệ Tử Quy, dần chú trọng Cảm Ứng Thiên, việc này tốt! Quốc gia và dân tộc này vẫn là có tiền đồ.

Phật quan trọng, như chúng ta đã nói ở phần trước, Phật là phước báo đệ nhất thế gian và xuất thế gian, bạn không học Phật thì sẽ không tu phước, không tu phước thì sẽ không có phước báo, mà không có phước báo thì khổ. Sự đại phú đại quý ở thế gian này tu được từ đâu? Là trong đời quá khứ tu trong cửa Phật, trong cửa Phật có thể tu được nhân của đại phú đại quý, rồi cảm được quả báo của phú quý. Ngày nay hưởng phú quý mà không chịu tu nữa, vậy thì phước báo này rất nhanh hưởng hết, sau khi hưởng hết thì khổ nạn sẽ hiện tiền, đây là lẽ đương nhiên, không thể không biết. Cho nên, sau khi đã cảm vững ba cái rễ, bạn lại nỗ lực học Phật, phước tuệ song tu, tiền đồ của bạn sẽ tốt đẹp vô lượng, tại sao lại không làm? Cho nên, nhà Phật tu hành chính là thanh tịnh bình đẳng giác, thanh tịnh chính là Chánh giác, bình đẳng chính là Chánh đẳng chánh giác, giác ở sau cùng chính là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trong giáo pháp Đại thừa, chúng ta thường đọc thấy trong kinh điển, “A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề” chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Vậy làm thế nào để tu thanh tịnh? Đó là không chấp trước, kiến tư phiền não đã đoạn thì thanh tịnh; không phân biệt, trần sa phiền não đã đoạn thì bình đẳng; không khởi tâm, không động niệm, thì Vô thượng chánh đẳng chánh giác liền hiện tiền. Quả báo Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm liền đạt được rồi. Ý nghĩa của trang nghiêm này vô cùng rộng, Thường tịch quang, cõi Thật báo trang nghiêm, y chánh trang nghiêm của mười pháp giới thấy đều hàm nhiếp ở trong đây, đây là nói sơ lược về đề kinh này. Cách nói này của tôi đơn giản, dễ hiểu, dễ thể hội, mới biết được nội dung giáo hóa trong bộ kinh này vô cùng phong phú, thực sự có thể giúp chúng ta giải quyết được mọi vấn đề. Đối với bất kỳ ngành nghề nào trong xã hội nảy sinh vấn đề, trong đây đều có thể tìm thấy, ngay cả trong chính trị cũng không ngoại lệ, hễ có vấn đề thì nơi đây đều có thể giúp bạn giải quyết, vậy thì tại sao bạn lại không học? Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta học đến đây thôi.